

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 120/2025/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 49/2025/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Ông Thạch D, sinh năm 1989; thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số nhà D, tổ C, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Số A, Đại lộ Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Ông Thạch L, sinh năm: 1992; thường trú: Khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên hệ: Số C, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, khu vực XXVII; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 28/5/2025) Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Thạch D trình bày:

Vào tháng 8/2010 đến tháng 9/2010, ông D làm việc tại Công ty Standard Furniture Việt Nam và tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7410231265. Đến khoảng tháng 4/2025, ông D đi làm thủ tục tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thì được biết bị trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào tháng 9/2010 ông D cho ông Thạch L (em trai) mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm. Sau đó, ông L ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và tham gia bảo hiểm xã hội số 7413287421. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chỉ mong có công việc để trang trải cuộc sống và ông nghĩ rằng việc cho em mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S là không vi phạm gì. Để giải quyết quyền lợi bảo hiểm xã hội, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch D và Công ty Cổ phần S bị vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch L trình bày: Ông là em ruột của ông Thạch D, vào khoảng tháng 9/2010, ông chưa đủ 18 tuổi nhưng vì gia đình khó khăn về kinh tế nên ông cần có việc làm để tăng thu nhập. Vì vậy, ông mượn hồ sơ của ông Thạch D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S đến tháng 12/2011 thì nghỉ việc. Quá trình lao động ông tham gia bảo hiểm xã hội số với mã số bảo hiểm xã hội 7413287421. Cùng thời gian này, ông Thạch D đang làm việc tại Công ty Standard Furniture Việt Nam và tham gia đóng bảo hiểm xã hội số 7410231265. Do thiếu hiểu biết nên ông nghĩ rằng việc mượn chứng minh nhân dân của người khác để ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S là không vi phạm gì. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông D về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch D và Công ty Cổ phần S (thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011) bị vô hiệu.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D (viết tắt là BHXH) trình bày:

- Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần S cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Thạch D, sinh năm 1989, số CCCD 094089013052, với mã số BHXH 7413287421 từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011 tại Công ty Cổ phần S chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, ông Thạch D còn có mã số BHXH 7410231265 từ tháng 8/2010 đến tháng 9/2010 tại Công ty TNHH Standard Furniture Việt Nam. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Thạch D, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của ông Thạch D, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, triệu tập đến Tòa án lấy lời khai, cung cấp chứng cứ và tham gia phiên họp bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng Công ty Cổ phần S vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến, không có yêu cầu gì đối với yêu cầu

của ông Thạch D.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Thạch D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người yêu cầu ông Thạch D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch L, Bảo hiểm xã hội thành phố D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011, người lao động tên Thạch D sinh năm 1989, số CMND 635760767 được Công ty Cổ phần S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7413287421. Tuy nhiên, ông Thạch D và ông Thạch L khẳng định người tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011 là ông Thạch L chứ không phải ông Thạch D. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm là do ông Thạch L mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông Thạch D để đi làm việc tại Công ty Cổ phần S. Xét thấy, lời khai của ông D và ông L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội D. Bởi lẽ, trong thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011, ông D thực tế đang làm việc tại Công ty TNHH Standard Furniture Việt Nam và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã bảo hiểm xã hội số 7410231265.

[2.2] Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S trong khoảng thời gian từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011 không phải là ông Thạch D. Việc ông Thạch L sử dụng chứng minh nhân dân của ông Thạch D để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S là hành vi gian dối. Hành vi trên đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 và Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động giữa ông D với Công ty Cổ phần S là vi phạm pháp luật và bị vô hiệu theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Các đương sự không ai tranh chấp và yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Thạch D về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch D với Công ty Cổ phần S theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413287421 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... *Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông D và ý kiến của ông về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần S trong giai đoạn từ tháng 9/2010 đến tháng 12/2011, không phải là ông D; ông D và ông L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413287421.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Thạch D phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Thạch D.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Thạch D với Công ty Cổ phần S (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413287421) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413287421 là ông Thạch L, sinh ngày 18/6/1992; giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam; không phải là ông Thạch D, sinh ngày 16/5/1989, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 094089013052. Ông Thạch D và ông Thạch L có quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413287421 (số cũ 7410262597).

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Thạch D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0008324 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Chi phí đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Thạch L tự nguyện chịu số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng đã nộp.

4/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Chu Thị Vân